



Số: 250321.034/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đáng kể hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Thị Nhân

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2959-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		550.992.205.156	523.395.386.453
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.725.708.236	6.847.596.779
111	1. Tiền		9.725.708.236	6.847.596.779
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	467.605.719.905	456.768.179.870
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.355.305.711	7.001.565.711
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.549.585.806)	(3.833.385.841)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		465.800.000.000	453.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		57.273.813.144	41.173.597.902
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	32.980.616.552	12.446.456.679
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.566.236.665	708.475.765
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.539.909.927	28.018.665.458
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.950.000)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.241.849.927	11.110.732.572
141	1. Hàng tồn kho		14.241.849.927	11.110.732.572
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.145.113.944	7.495.279.330
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.082.181.243	2.593.028.298
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.802.251.032
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	62.932.701	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		301.415.101.684	663.910.914.187
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		46.387.870.455	48.080.904.455
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	51.595.991.072	51.800.991.072
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(5.208.120.617)	(3.720.086.617)
220	II. Tài sản cố định		163.502.734.611	189.423.398.257
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	163.106.901.278	188.777.564.924
222	- Nguyên giá		300.043.978.068	378.595.357.731
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(136.937.076.790)	(189.817.792.807)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	395.833.333	645.833.333
228	- Nguyên giá		946.722.450	946.722.450
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(550.889.117)	(300.889.117)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	9.173.342.150	-
231	- Nguyên giá		9.500.000.000	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(326.657.850)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	66.737.960.598	394.951.349.914
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		61.675.369.688	376.450.122.639
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.062.590.910	18.501.227.275
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	15.245.803.792	31.117.430.656
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.358.032.000	1.358.032.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.112.228.208)	(1.075.561.344)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	30.834.960.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		367.390.078	337.830.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	367.390.078	337.830.905

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		375.354.721.669	698.271.924.057
310	I. Nợ ngắn hạn		301.801.984.669	569.348.768.002
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	34.092.987.923	31.651.193.971
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	26.114.608.290	317.664.062.227
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.544.764.537	8.435.730.472
314	4. Phải trả người lao động		7.462.190.640	4.515.845.975
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	941.269.816	1.298.177.558
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	9.197.347.624	12.358.332.719
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	413.504.286	624.470.838
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	216.653.593.918	192.138.867.807
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.381.717.635	662.086.335
330	II. Nợ dài hạn		73.552.737.000	128.923.156.055
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	73.447.983.378	128.678.422.697
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	104.753.622	244.733.358
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		477.052.585.171	489.034.376.584
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	477.052.585.171	489.034.376.584
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		480.060.000.000	480.060.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		480.060.000.000	480.060.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(55.228.697.500)	(44.088.497.500)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.221.282.671	53.062.874.084
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.111.413.375	15.825.088.192
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		33.109.869.296	37.237.785.892
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		852.407.306.840	1.187.306.300.640


Lê Văn Phúc
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021


Phùng Thị Loan
Kế toán trưởng




Hà Trung Nghĩa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	666.468.655.991	208.244.081.788		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		246.475.208	44.037.974		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		666.222.180.783	208.200.043.814		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	617.746.962.040	168.429.718.689		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.475.218.743	39.770.325.125		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	31.077.238.485	32.750.979.996		
22	7. Chi phí tài chính	27	11.411.407.558	13.337.827.063		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.488.142.394	11.813.211.071		
25	9. Chi phí bán hàng	28	1.929.126.008	2.153.692.160		
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	33.180.964.836	11.024.702.012		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.030.958.826	46.005.083.886		
31	12. Thu nhập khác	30	8.984.519.764	1.571.547.541		
32	13. Chi phí khác	31	250.192.738	73.112.044		
40	14. Lợi nhuận khác		8.734.327.026	1.498.435.497		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.765.285.852	47.503.519.383		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	8.795.396.292	10.045.101.612		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	(139.979.736)	(3.494.359)		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.109.869.296	37.461.912.130		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		33.109.869.296	37.461.912.130		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	765	873		

Lê Văn Phúc
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Phùng Thị Loan
Kế toán trưởng

Hà Trung Nghĩa
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41.765.285.852	47.503.519.383
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		61.204.996.960	57.498.114.026
03	- Các khoản dự phòng		1.253.850.829	(18.504.581.349)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(39.167.709.284)	(33.989.125.076)
06	- Chi phí lãi vay		11.488.142.394	11.813.211.071
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		76.544.566.751	64.321.138.055
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.303.916.364)	63.780.927.604
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		311.643.635.596	(84.744.107.625)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(341.327.609.956)	72.482.540.315
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		581.287.882	(82.873.462)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		1.646.260.000	704.118.006
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.486.606.283)	(11.739.342.768)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.644.444.605)	(8.242.833.757)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.488.127.600	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.017.253.682)	(860.987.360)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.875.953.061)	95.618.579.087
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.111.459.497)	(100.515.561.460)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		22.852.364.379	9.368.576.695
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(247.200.000.000)	(303.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		250.834.960.000	202.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.272.230.775	20.233.189.038
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.648.095.657	(171.313.795.727)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(11.140.200.000)	(9.848.280.000)
33	2. Tiền thu từ đi vay		548.669.694.810	366.558.396.638
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(524.154.968.699)	(297.354.648.768)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.268.557.250)	(6.700.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.894.031.139)	59.348.767.870

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.878.111.457	(16.346.448.770)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.847.596.779	23.194.045.549
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	9.725.708.236	6.847.596.779

Lê Văn Phúc
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Phùng Thị Loan
Kế toán trưởng



Hà Trung Nghĩa
Tổng Giám đốc